

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN**

---***---

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc.**

Bản án số: 05/2023/KDTM - ST

Ngày: 07/7/2023

(V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng)

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN – TỈNH HƯNG YÊN
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đỗ Quang Lịch.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Vũ Văn Hạnh và bà Vũ Thị Thùy Đông
 - **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Thành - CBTA
 - **Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố H tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án KDTM về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thụ lý số: 11/2022/ TLST - KDTM, ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, tp ..

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V.

Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Hoàng Thị Thu H1;

Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh H2.

2. Bị đơn:

- Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1954;

- Ông Đào Công B, sinh năm 1952;

Cùng HKTT: Số nhà A, đường N (Nay là đường H), phường L, tp ., tỉnh Hưng Yên.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 06/03/2019, Ngân hàng N – chi nhánh H2 đã ký Hợp đồng tín dụng số 2401LAV201900507 với bà Hoàng Thị M đại diện đứng vay (Giấy ủy quyền của ông Đào Công B ngày 06/03/2019); Hạn mức cho vay: 1.600.000.000 đồng; Phương thức cho vay: Hạn mức tín dụng; Mục đích vay: Buôn bán dụng cụ và trang phục quần áo thể thao các loại; Thời hạn của HMTD: 12 tháng, kể từ ngày 06/03/2019 đến ngày 06/03/2020; Lãi suất, phí: Lãi suất trong hạn: 7,7% năm trên nợ gốc, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng này được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20092017/LL/HĐTC ngày 20/09/2017, phụ lục HĐTC và các hợp đồng bảo đảm khác sẽ ký kết giữa hai bên. Theo đó, nghĩa vụ của Hợp đồng tín dụng số 2401LAV201900507 ngày 06/03/2019 nay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20092017/LL/HĐTC ngày 20/09/2017. Tài sản thế chấp là QSDĐ tại Số A, Nguyễn Thiện T, L, TP ., tỉnh Hưng Yên; Thửa số: 95; tờ bản đồ số 21, diện tích 82,3 m² theo GCNQSDĐ số BB 433434 do UBND Thành phố H cấp ngày 11/05/2010 cho ông Đào Công B và bà Hoàng Thị M. Thực hiện nội dung Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng đã giải ngân cho bà M, ông B theo đúng thỏa thuận. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ cán bộ ngân hàng đã gửi thông báo nợ đến hạn cho khách hàng nhưng bà M, ông B đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết không thanh toán số nợ gốc và lãi đến hạn để phát sinh nợ quá hạn dài ngày. Hiện nay, tổng khoản nợ gốc (theo nhiều giấy nhận nợ) của bà M, ông B là: 1.186.600.000đ (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng*) và các giấy nhận nợ đều đã phát sinh lãi quá hạn. Tuy nhiên, mặc dù ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu thanh toán nợ nhưng bà M, ông B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận. Theo thống kê của Ngân hàng, tạm tính đến ngày 14/12/2022, bà M, ông B còn nợ Ngân hàng số tiền là: 1.746.201.815đ (*Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm bốn mươi sáu triệu, hai trăm linh một nghìn, tám trăm mười lăm đồng*), trong đó dư nợ gốc là: 1,186,600,000đ (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng*), tiền lãi là: 559.601.815đ (*Bằng chữ: Năm trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm linh một nghìn, tám trăm mười lăm đồng*) (lãi trong hạn là: 401,934,103 đ (*Bằng chữ: Bốn trăm linh một triệu, chín trăm ba mươi tư nghìn, một trăm linh ba đồng*), lãi quá hạn là: 157.667.712đ (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm mười hai đồng*)). Việc bà M, ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm quy định pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết, cụ thể: Theo thỏa thuận tại điểm đ, Khoản 2, Điều 9 Hợp đồng tín dụng, Bên vay có nghĩa vụ: “*Sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay, phí đầy đủ đúng thỏa thuận với Bên A*”; Theo thỏa thuận tại Khoản 1 Điều 10 của Hợp

đồng tín dụng, Ngân hàng có quyền; “h) Xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ; g) Khởi kiện khi Bên B: Đến hạn thực hiện nghĩa vụ nhưng Bên B cố ý không thực hiện; Cố tình trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Bên A theo thỏa thuận” Căn cứ quy định tại Khoản 4.1, Điều 4 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20092017/LL/HĐTC ngày 20/09/2017 đã ký giữa bà Hoàng Thị M với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp: “Đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hoàng Thị M và ông Đào Công B phải thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền còn nợ tính đến ngày 07/7/2023 tổng gốc và lãi là: 1.750.373.829đ; trong đó dư nợ gốc là: 1.116.100.000đ; tiền lãi trong hạn là: 634.273.829đ, tiền lãi quá hạn là: 182.556.274 đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/07/2023 cho đến khi trả xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà M, ông B không thanh toán trả cho Ngân hàng số nợ trên thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền cho phát mại tài sản mà vợ chồng bà Hoàng Thị M ông Đào Công B đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20092017/LL/HĐTC ngày 20/09/2017 để thu hồi nợ.

Trường hợp tiền thu được từ bán tài sản thế chấp của khoản vay này không đủ để trả nợ, thì A có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền cho kê biên, phát mại tài sản khác thuộc sở hữu/sử dụng của bà M và ông B để thu hồi nợ cho A.

- Bị đơn bà M trình bày: Do có nhu cầu vay vốn để kinh doanh buôn bán trang phục, dụng cụ thể thao nên năm 2017 vợ chồng bà có ký hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản như phía ngân hàng trình bày ở trên, nhưng do dịch Covid19 nên việc kinh doanh gặp khó khăn không thu hồi được vốn, nên chưa thanh toán trả Ngân hàng được tiền gốc và lãi đúng kỳ hạn cho ngân hàng như đã ký kết trong hợp đồng tín dụng. Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng bà phải trả ngay tiền gốc và lãi, thì quan điểm của bà là xin trả dần nợ tiền gốc mỗi tháng từ 10.000.000đ – 12.000.000đ cho đến khi trả hết nợ và xin Ngân hàng miễn toàn bộ lãi suất.

- Ông B vắng mặt nên không lấy được lời khai.

Tại phiên Tòa hôm nay:

Nguyên đơn và các bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng đều đúng theo quy định của bộ luật tố tụng và của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 227 của bộ luật TTDS, : Khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85 của Bộ luật TTDS; Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, khoản 7 Điều 323, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 467, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 và luật tổ chức tín dụng năm 2010 của chính phủ quy định về đăng ký giao dịch đảm bảo và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

- Buộc vợ chồng bà Hoàng Thị M và ông Đào Công B phải trả cho Ngân hàng N. Tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 07/7/2023 là: 1.750.373.829đ; trong đó dư nợ gốc là: 1.116.100.000đ; tiền lãi trong hạn là: 634.273.829đ, tiền lãi quá hạn là: 182.556.274 đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà M, ông B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay, theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay. Trường hợp bà M, ông B không trả số tiền nợ trên, thì ngân hàng Nông nghiệp và N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền cho kê biên, phát mại tài sản mà bà M ông B đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng N, tự nguyện chịu nên không đặt ra xem xét.

***/- Về án phí:**

- Hoàn trả lại cho ngân hàng N tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Buộc bà M, ông B phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nên đã có cơ sở kết luận: Ngày 06/03/2019, Ngân hàng N – Chi nhánh H2 đã ký Hợp đồng tín dụng số 2401LAV201900507 với bà Hoàng Thị M đại diện đứng vay (Giấy ủy quyền của ông Đào Công B ngày 06/03/2019); Hạn mức cho vay: 1.600.000.000 đồng; Phương thức cho vay: Hạn mức tín dụng; Mục đích vay: Buôn bán dụng cụ và trang phục quần áo thể thao các loại; Thời hạn của HMTD: 12 tháng, kể từ ngày 06/03/2019 đến ngày 06/03/2020; Lãi suất, phí: Lãi suất trong hạn: 7,7% năm trên nợ gốc, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng này được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20092017/LL/HĐTC ngày 20/09/2017, phụ lục HĐTC và các hợp đồng bảo đảm khác sẽ ký kết giữa hai bên; Theo đó, nghĩa vụ của Hợp đồng tín dụng số 2401LAV201900507 ngày 06/03/2019 nay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20092017/LL/HĐTC ngày 20/09/2017. Tài sản thế chấp là QSDĐ tại Số A, Nguyễn Thiện T, L, TP ., tỉnh Hưng Yên; Thửa số: 95; tờ bản đồ

số 21, diện tích 82,3 m² theo GCNQSDĐ số BB 433434 do UBND Thành phố H cấp ngày 11/05/2010 cho ông Đào Công B và bà Hoàng Thị M. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện nội dung Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng đã giải ngân cho bà M, ông B theo đúng thỏa thuận. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ ngân hàng đã gửi thông báo nợ đến hạn cho khách hàng nhưng bà M, ông B đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết, không thanh toán số nợ gốc và lãi đến hạn để phát sinh nợ quá hạn dài ngày. Hiện nay, tổng khoản nợ gốc (theo nhiều giấy nhận nợ) của bà M, ông B là: 1,186,600,000đ (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng*) và các giấy nhận nợ đều đã phát sinh lãi quá hạn. Mặc dù ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu thanh toán nợ nhưng bà M, ông B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án để giải quyết vợ chồng bà M, ông B đã tự đến Ngân hàng trả nợ. Tính đến ngày 07/7/2023 vợ chồng bà M, ông B còn nợ tổng số tiền gốc và lãi là 1.750.373.829đ; trong đó dư nợ gốc là: 1.116.100.000đ; tiền lãi trong hạn là: 634.273.829đ, lãi quá hạn là: 182.556.274đ.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng Thị M và ông Đào Công B phải thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền còn nợ nêu ở trên và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/07/2023 cho đến khi trả xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng. Nếu bà M, ông B không trả số tiền nợ trên, thì ngân hàng Nông nghiệp và N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền cho kê biên, phát mại tài sản của mà bà M ông B đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Bà M cũng thừa nhận việc vay nợ và thế chấp tài sản như phía Ngân hàng trình bày, bà đề nghị xin trả nợ dần mỗi tháng trả từ 10.000.000đ – 12.000.000đ.

Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc bà Hoàng Thị M và ông Đào Công B phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/7/2023 là 1.750.373.829đ; trong đó dư nợ gốc là: 1.116.100.000đ; tiền lãi trong hạn là: 634.273.829đ, lãi quá hạn là: 182.556.274 đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà M, ông B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay, theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà M, ông B không trả số tiền nợ trên, thì ngân hàng Nông nghiệp và N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền cho kê biên, phát mại tài sản của mà bà M và ông B đã thế chấp cho Ngân hàng N, theo đúng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20092017/LL/HĐTC ngày

20/09/2017. Tài sản thế chấp là QSDĐ tại Số A, Nguyễn Thiện T (Nay là đường H), phường L, TP ., tỉnh Hưng Yên; Thửa số: 95; tờ bản đồ số 21, diện tích 82,3 m² theo GCNQSDĐ số BB 433434 do UBND Thành phố H cấp ngày 11/05/2010 cho ông Đào Công B và bà Hoàng Thị M để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp tiền thu được từ việc phát mại các tài sản thế chấp không đủ để trả nợ, thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền cho kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc sở hữu/sử dụng của bà M, ông B để thu hồi nợ cho A.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng N, tự nguyện chịu không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N được chấp nhận, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Buộc vợ chồng bà Hoàng Thị M và ông Đào Công B phải chịu 1.750.373.829đ ($800.000.000đ = 36.000.000 + (950.373.829đ \times 3\%) = 64.511.215đ$ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào: Khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật TTDS; Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, khoản 7 Điều 323, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 467, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 và luật tổ chức tín dụng năm 2010 của chính phủ quy định về đăng ký giao dịch đảm bảo và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

**/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.*

- Buộc vợ chồng bà Hoàng Thị M và ông Đào Công B phải trả cho Ngân hàng N cả gốc và lãi tính đến ngày 07/7/2023 là 1.750.373.829đ; trong đó dư nợ gốc là: 1.116.100.000đ; tiền lãi trong hạn là: 634.273.829đ, tiền lãi quá hạn là: 182.556.274 đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Hoàng Thị M và ông Đào Công B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay, theo

quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

- Trường hợp bà Hoàng Thị M và ông Đào Công B không thực hiện trả số tiền nợ trên, thì ngân hàng Nông nghiệp và N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền cho kê biên, phát mại tài sản của bà M và ông B đã thế chấp cho Ngân hàng N, theo đúng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20092017/LL/HĐTC ngày 20/09/2017. Tài sản thế chấp là QSDĐ tại Số A, Nguyễn Thiện T (Nay là đường H), phường L, TP ., tỉnh Hưng Yên; Thửa số: 95; tờ bản đồ số 21, diện tích 82,3 m² theo GCNQSDĐ số BB 433434 do UBND Thành phố H cấp ngày 11/05/2010 cho ông Đào Công B và bà Hoàng Thị M để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp tiền thu được từ việc phát mại các tài sản thế chấp không đủ để trả nợ, thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền cho kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc sở hữu/sử dụng của bà M, ông B để thu hồi nợ cho A.

- Về án phí:

Hoàn trả lại cho ngân hàng N 32.193.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001379 ngày 30/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên.

Buộc vợ chồng bà Hoàng Thị M và ông Đào Công B phải chịu 64.511.215đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

*/ Về quyền kháng cáo: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H1 và bị đơn bà M, ông B đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại UBND nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TP Hưng Yên;
- Phòng KT & THA - TAND tỉnh Hưng Yên.
- Các đương sự.
- Chi cục thi hành án TP Hưng Yên.

- *Lưu hồ sơ.*

Đỗ Quang Lịch